



LUYỆN TẬP

- 1 Đọc các số đo đại lượng : $\frac{1}{2}$ kg ; $\frac{5}{8}$ m ; $\frac{19}{12}$ giờ ; $\frac{6}{100}$ m.
- 2 Viết các phân số : một phần tu ; sáu phần mười ; mười tám phần tám mươi lăm ; bảy mươi hai phần một trăm.
- 3 Viết mỗi số tự nhiên sau dưới dạng phân số có mẫu số bằng 1 :

8 ; 14 ; 32 ; 0 ; 1.
- 4 Viết một phân số :

a) Bé hơn 1 ; b) Bằng 1 ; c) Lớn hơn 1.

110

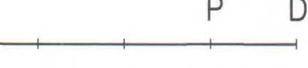
- 5 Mỗi đoạn thẳng dưới đây đều được chia thành các phần có độ dài bằng nhau.

Viết vào chỗ chấm theo mẫu :

Mẫu : 

$$AI = \frac{1}{3} AB$$

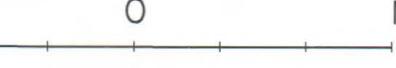
$$IB = \frac{2}{3} AB$$

a) 

$$CP = \dots CD$$

$$PD = \dots CD$$

Chú ý : Viết $AI = \frac{1}{3} AB$ là cách viết ngắn gọn của : Độ dài đoạn thẳng AI bằng $\frac{1}{3}$ độ dài đoạn thẳng AB.

b) 

$$MO = \dots MN$$

$$ON = \dots MN$$